

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HẢI DƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (được ban hành tại Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/201; Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 và Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương, Tầng 1-Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
2	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	Không	
3	Hỗ trợ dự án liên	25 ngày làm việc kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	kết	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương		05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
4	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông

II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (được ban hành tại Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT ngày 21/12/2018 và Quyết định số 918/QĐ-BNN-TT ngày 19/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	Không	- Luật phí và lệ phí năm 2015; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
2	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	Không	- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Dương		ương.
3	Cấp lại Giấy Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	Không	

III. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (được ban hành tại Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hải Dương, Tầng 1-Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	800.000	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 21/2015/TT-
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo	- 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hải Dương,	800.000	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	vệ thực vật	<p>- 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.</p> <p>- Trường hợp chưa đủ điều kiện: Thời hạn tám tư (84) ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn</p>	Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương		<p>BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thiện hồ sơ.			
IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG, LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (được ban hành tại Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 và Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh Hải Dương, Tầng 1. Thư viện tỉnh – Số 1, đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngành; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.
2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B); - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh Hải Dương - Tầng 1, Thư viện tỉnh Hải Dương, Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	700.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B); - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh Hải Dương - Tầng 1, Thư viện tỉnh Hải Dương, Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	700.000 đồng/cơ sở	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	<i>toàn thực phẩm tại cơ sở)</i>			thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh Hải Dương - Tầng 1, Thư viện tỉnh Hải Dương, Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	
5	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh Hải Dương - Tầng 1, Thư viện tỉnh Hải Dương, Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải	30.000 đồng/lần/người	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Dương		an toàn thực phẩm. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

V. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (được ban hành tại Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa	50 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp
---	---	--	--	-------	--

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	phương quản lý		Hải Dương, tỉnh Hải Dương		
2	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	50 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp
3	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	45 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp
4	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với tổ	45 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	chức)				
5	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	40 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp
6	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	45 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp
7	Miễn giám dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp
8	Phê duyệt phương	23 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không	Thông tư số 28/2018/TT-

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương		BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững.
9	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000đ/giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000đ/01 vườn giống; - Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống: 600.000đ/01 lô giống	- Thông tư số 30/2018/TT-BNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.
10	Phê duyệt khai thác động vật rừng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	Không	Thông tư số 27/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thông thường từ tự nhiên		thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương		Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
11	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương – Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1-đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

VI. LĨNH VỰC THỦY LỢI (được ban hành tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018; Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương,	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018
---	--	---	--	-------	--

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.		tỉnh Hải Dương		
2	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức Không thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	
3	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	
5	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
6	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	
7	Thẩm định, phê duyệt	Trong thời hạn 20 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương		
8	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	
9	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, Số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	

VII. LĨNH VỰC THỦY SẢN (Thủ tục hành chính tại số thứ tự 11,12,15,16,17 thuộc Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS, ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Thủ tục hành chính tại số thứ tự 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,13,14 thuộc Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS, ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	63 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ	- Cấp mới: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	hồ sơ; - Cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương		08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
4	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- Cấp mới: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	5.700.000đ/lần (có hoạt động sản xuất)	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.
5	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
6	Xác nhận nguồn gốc	07 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không	- Luật Thủy sản năm 2017;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng.	ngày nhận đủ hồ sơ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương		- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
7	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên.	03 ngày làm việc (đối với xác nhận nguồn gốc); 07 ngày làm việc (đối với xác nhận mẫu vật).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
8	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cá.		Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương		Thủy sản.
9	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. - Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014
10	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
11	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá, công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bắt hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.
13	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
14	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Cấp mới: 40.000 đ/lần Cấp lại: 20.000 đ/lần	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 quy định mức thu,

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
15	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá, công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương - Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá, công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.
17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương -	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá, công nhận cơ sở đăng

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Tầng I Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương		kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.
VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (được ban hành tại Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD, ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu; - Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác đấu thầu các dự án do Bộ quản lý.
IX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH – THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÁC (được ban hành tại Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD, ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu	không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường	- Chi phí thẩm định HSMQT, HSMST bằng 0.03%	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 39/2015/TT-

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng. - Chi phí thẩm định HSMT, HSYC bằng 0.1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác đấu thầu các dự án do Bộ quản lý.
2	Phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm (HSQT), hồ sơ dự sơ tuyển (HSDST), hồ sơ đề xuất (HSDX), hồ sơ dự thầu (HSDT) và	Kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ: - Kết quả đánh giá HSQT, HSDST trong thời gian không quá 30 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hải Dương, Tầng 1-thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng-Tp Hải Dương	- Chi phí đánh giá HSQT, HSDST bằng 0.05% giá gói thầu nhưng tối	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>nước, không quá 40 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá HSDX trong thời gian không quá 40 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 50 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế; - Kết quả đánh giá HSDT trong thời gian không quá 55 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu trong nước, không quá 70 ngày kể từ đóng thầu đối với đấu thầu quốc tế; 		<p>thiếu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí đánh giá HSDT, HSDX bằng 0.1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng - Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu kể cả trường hợp không lựa 	thôn về công tác đấu thầu các dự án do Bộ quản lý.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				chọn được nhà thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (được ban hành tại Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 và Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Hỗ trợ dự án liên kết	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông
II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (được ban hành tại Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Thủ tục Xác nhận bảng kê lâm sản	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm sở tại	Không	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản
2	Thủ tục Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)	45 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp
III. LĨNH VỰC THỦY LỢI (được ban hành tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Thẩm định, phê	Trong thời hạn 30 ngày làm	Bộ phận tiếp nhận		- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	duyet, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

IV. LĨNH VỰC THỦY SẢN (được ban hành tại Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS, ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	63 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (được ban hành tại Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ-thủ tục hành chính UBND cấp xã	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông
II. LĨNH VỰC THỦY LỢI (được ban hành tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.				04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.